

AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PHẠM XUÂN NAM

I. NHẬN THỨC VỀ KHÁI NIỆM AN SINH XÃ HỘI

Trước khi đi vào phân tích, đánh giá, nhận định về an sinh xã hội ở nước ta sau hơn 25 năm đổi mới, chúng ta cần tìm hiểu xem: vấn đề an sinh xã hội được đặt ra trên cơ sở lý thuyết nào, nội hàm của khái niệm an sinh xã hội là gì, các bộ phận hợp thành hệ thống chính sách an sinh xã hội ra sao?

1. Theo các nhà nghiên cứu, vấn đề an sinh xã hội được đặt ra trên cơ sở lý thuyết rủi ro. Lý thuyết này cho rằng, trong đời sống của mình, mọi cá nhân, mọi gia đình, mọi cộng đồng đều khó tránh khỏi có những lúc gặp rủi ro, tức là phải đối mặt với thiệt hại, mất mát, thương vong do thiên tai, địch họa hoặc những biến động tiêu cực về kinh tế - xã hội gây ra. Vì thế, xã hội mà đại diện là nhà nước cần phải đặt ra nhiệm vụ quản lý rủi ro, nghĩa là phải sử dụng hàng loạt biện pháp nhằm hỗ trợ cho những đối tượng gặp khó khăn, đặc biệt là những người nghèo, giảm bớt tác động của rủi ro, giúp họ ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng. Những biện pháp quản lý rủi ro ấy dần dần được bổ sung, phát triển và trở thành hệ thống chính sách an sinh xã hội.

2. Vậy nội hàm của khái niệm an sinh xã hội là gì?

- Theo nghĩa rộng, an sinh xã hội (social security trong tiếng Anh, sécurité sociale trong tiếng Pháp) là sự bảo đảm thực hiện các quyền con người được sống trong hòa bình; được tự do làm ăn, cư trú, di chuyển, phát biểu chính kiến trong khuôn khổ luật pháp; được học tập, có việc làm, có nhà ở; được bảo đảm thu nhập để thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu khi bị rủi ro, tai nạn, tuổi già...

Theo nghĩa này thì tầm bao phủ của an sinh xã hội rất lớn và vì vậy bên cạnh thuật ngữ an sinh xã hội được sử dụng rộng rãi, có những lúc những nơi, các thuật ngữ bảo đảm xã hội, bảo trợ xã hội, an ninh xã hội, an toàn xã hội... cũng được dùng với những hàm nghĩa không hoàn toàn tương đồng (Mạc Văn Tiến, 2005: 25).

- Còn theo nghĩa hẹp, an sinh xã hội là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt biện pháp công cộng nhằm khắc phục những khó khăn về kinh tế và xã hội do bị mất hoặc bị giảm thu nhập, gây ra bởi thiên tai, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, tàn tật, tuổi già, đồng thời bảo đảm chăm sóc y tế và trợ cấp y tế cho các gia đình có con nhỏ, cho những người già cô đơn, trẻ em mồ côi.v.v (Phạm Xuân Nam, 1997: 97)

Nội hàm khái niệm an sinh xã hội theo nghĩa hẹp vừa nêu là dựa trên định nghĩa của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO). Nhiều nhà nghiên cứu về an sinh xã hội ở nước ta

cũng chủ yếu dựa vào định nghĩa này, tuy đôi khi có gia giảm ít nhiều.

3. Để vận dụng nhận thức về nội hàm khái niệm an sinh xã hội trong cuộc sống, ở nhiều nước trên thế giới hiện nay, người ta đã thiết lập và ngày càng hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội với các bộ phận hợp thành khác nhau.

Có nơi chỉ nêu hai hợp phần chính là: bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Có nơi đặt ra ba hợp phần là: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ giúp xã hội. Lại có nơi nêu lên bốn hợp phần là: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và trợ giúp xã hội (Mai Ngọc Cường, 2009: 40), v.v...

Dù có các bộ phận hợp thành khác nhau, song hệ thống chính sách an sinh xã hội ở đâu cũng phải đáp ứng ba chức năng cơ bản: i) Phòng ngừa rủi ro; ii) Giảm thiểu rủi ro; iii) Khắc phục rủi ro.

Trên đây là một số nét chung và có tính phổ biến về vấn đề an sinh xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh cái chung, cái phổ biến luôn luôn tồn tại cái riêng, cái đặc thù. Do vậy, mỗi nước đều phải xây dựng được hệ thống chính sách an sinh xã hội phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và truyền thống văn hóa ở nước mình trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

II. CHỦ TRƯỞNG, QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ AN SINH XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Nhìn lại thời kỳ trước đổi mới, do nhiều nguyên nhân mà chủ yếu là do thực hiện những chủ trương, chính sách mang nặng tính chủ quan, duy ý chí trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo một mô hình cũ đã lỗi thời, cho nên nước ta đã lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trong điều kiện như thế, việc bảo đảm an sinh xã hội chỉ có thể bó hẹp trong một số chế độ trợ cấp ở mức thấp cho những người có công với cách mạng, cho thương bệnh binh và gia đình liệt sĩ.

Với phương châm “*nhìn thẳng vào sự thật*”, Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã nghiêm khắc tự phê bình về những khuyết điểm, sai lầm nói trên, đồng thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Trong đó có những chủ trương, quan điểm mang tính đột phá nhằm đẩy nhanh phát triển kinh tế và phát triển xã hội, nhờ vậy mà từng bước thực hiện tốt hơn an sinh xã hội cho nhiều đối tượng cần thiết.

Những chủ trương, quan điểm cơ bản đó là:

- Chuyển nền kinh tế từ mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần để giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

- Nêu cao vai trò của chính sách xã hội trong việc phát huy nhân tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động.

- Thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh

tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế.

- Bảo đảm việc làm cho người lao động là nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng đầu. Nhà nước cố gắng tạo thêm việc làm và có chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm bằng cách khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế khác.

- Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta. Bảo đảm cho người lao động có thu nhập thỏa đáng phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, có tác dụng khuyến khích nhiệt tình lao động.

- Chăm lo đáp ứng nhu cầu giáo dục của các tầng lớp dân cư, đồng thời tập trung sức nâng cao chất lượng các hoạt động y tế và đạt được tiến bộ trong việc chăm sóc sức khỏe nhân dân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987: 62-63, 86-93).

Riêng về vấn đề bảo đảm an sinh xã hội (mà lúc đó gọi là bảo trợ xã hội), Đại hội chỉ rõ: “Từng bước xây dựng chính sách bảo trợ xã hội... theo phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”, mở rộng và phát triển các công trình sự nghiệp bảo trợ xã hội, tạo lập nhiều hệ thống và hình thức bảo trợ xã hội cho những người có công với cách mạng và những người gặp khó khăn. Nghiên cứu bổ sung chính sách, chế độ bảo trợ xã hội phù hợp với quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Thực hiện đúng chế độ về hưu. Tổ chức tốt hơn việc phục vụ về xã hội, y tế, văn hóa, thông tin cho người về hưu... Tổ chức nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo thương binh, bệnh binh nặng, thân nhân liệt sĩ và những người có công với cách mạng già yếu, không nơi nương tựa. Chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn” (Đảng cộng sản Việt Nam, 1987: 94-95).

2. Từ sau Đại hội VI của Đảng, tiến trình đổi mới toàn diện đất nước ngày càng đi vào chiều sâu. Trước những vấn đề mới nảy sinh từ cuộc sống, Đảng ta đã rất coi trọng phát triển tư duy lý luận trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong nước, đồng thời mở rộng tầm nhìn ra bên ngoài, chú ý tham khảo kinh nghiệm của thế giới. Qua đó, các đại hội VII, VIII, IX, X, XI của Đảng và nhiều hội nghị Trung ương thuộc các nhiệm kỳ đại hội ngày càng xác định rõ hơn mô hình kinh tế tổng quát, mục tiêu chung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với hệ thống các chủ trương, quan điểm định hướng cho việc giải quyết hàng loạt mối quan hệ cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội..., bảo đảm cho sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Riêng về mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội, Đảng đã đề ra những chủ trương, quan điểm lớn có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn nổi bật sau đây:

Một là: Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Đây là chủ trương, quan điểm có ý nghĩa bao trùm.

Hai là: Tôn trọng lợi ích chính đáng của người lao động và các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Ba là: Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng và yêu cầu chính đáng của nhân dân. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Sớm xây dựng và thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động thất nghiệp.

Bốn là: Khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Coi một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Đồng thời có chính sách hướng dẫn, hỗ trợ người nghèo vươn lên làm đủ sống và phấn đấu trở thành khá giả.

Năm là: Xem giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành (bao gồm miễn giảm học phí cho học sinh nghèo ở các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng và đại học, v.v...).

Sáu là: Thực hiện đồng bộ chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, phấn đấu giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe đối với các tầng lớp dân cư. Đổi mới cơ chế và chính sách viện phí, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1997: 34-35; Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996: 113-118; Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001: 104-108; Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006: 101-105; ; Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 227-233).

3. Đặt trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với hệ thống các chủ trương, quan điểm cơ bản nêu trên về thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tại mục *Bảo đảm an sinh xã hội* trong *Báo cáo Chính trị trước Đại hội XI (1-2011)*, Đảng ta đã chỉ rõ:

“Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương vượt qua khó khăn hoặc rủi ro trong cuộc sống. Tăng tỷ lệ người lao động tham gia các hình thức bảo hiểm. Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ bảo hiểm xã hội, chuyển các loại hình trợ giúp, cứu trợ xã hội sang cung cấp dịch vụ bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng. Bảo đảm cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng, có cơ hội

tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu...

Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức xóa đói, giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm để xóa đói, giảm nghèo bền vững (tôi nhân mạnh – PXN); tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo.

Huy động mọi nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước chăm lo tốt hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của những người và gia đình có công... Tạo điều kiện, khuyến khích người và gia đình có công tích cực tham gia phát triển kinh tế để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, có mức sống cao hơn mức sống trung bình của dân cư tại địa bàn” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2011: 228-230).

Từ những điều trình bày trên đây, có thể khẳng định Đảng ta đã có một cái nhìn rất khoáng đạt và rất biện chứng về vấn đề an sinh xã hội. Điều đó được thể hiện ở những khía cạnh chủ yếu sau:

- Xem các chủ trương bảo đảm an sinh xã hội là bộ phận không thể tách rời của toàn bộ hệ thống chủ trương, quan điểm phát triển kinh tế - xã hội trong tiến trình đổi mới đất nước.

- Coi việc thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển (như phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đi đôi với mở rộng việc làm, xóa đói giảm nghèo, mở mang giáo dục, y tế, v.v...) là cách tạo ra điều kiện thuận lợi về nguồn lực vật chất và nguồn lực con người để phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro và khắc phục rủi ro, bảo đảm an sinh xã hội một cách chủ động và tích cực nhất.

- Ngược lại, phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro, khắc phục rủi ro, bảo đảm an sinh xã hội cho những người gặp khó khăn càng rộng khắp và càng đầy đủ bao nhiêu, thì càng làm cho xã hội phát triển tốt đẹp, kinh tế tăng trưởng nhanh, có hiệu quả và bền vững bấy nhiêu.

III. THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI TRONG SỰ GẮN BÓ MẬT THIẾT VỚI THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI HƠN 25 NĂM QUA

1. Tổ chức thực hiện

Với chức năng do Hiến pháp quy định, Quốc hội và Chính phủ nước ta đã lần lượt thể chế hóa những chủ trương, quan điểm nêu trên của Đảng thành hệ thống pháp luật, chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án để đưa vào cuộc sống.

Ví dụ như đã xây dựng và ban hành: Luật Công ty 1990, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học 1991, Luật Lao động 1994 (sửa đổi, bổ sung các năm 2002, 2006, 2007), Luật Giáo dục 1998, Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Bảo hiểm xã hội 2007 (trong đó có các điều khoản quy định về bảo hiểm thất nghiệp), Luật Bảo hiểm y tế 2009; Pháp lệnh quy định danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng 1994, Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007); các Chương trình mục tiêu quốc gia 126, 133, 135 về tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo trong cả nước, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại những xã đặc biệt khó khăn 1998-2000; Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo 2001-2010, Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản 2001-2010, v.v...

Lực lượng tổ chức thực hiện chủ yếu là các cơ quan chức năng thuộc từng bộ ngành tương ứng. Riêng đối với nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo, thì tất cả các tỉnh thành đều đã thành lập Ban Chỉ đạo ở các cấp tỉnh, huyện, xã với sự tham gia của các đại diện thuộc cả hệ thống chính trị.

Nhờ vậy, cùng với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, sự nghiệp bảo đảm an sinh xã hội ở nước ta hơn 25 năm qua đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ, tuy vẫn còn những hạn chế và yếu kém nhất định.

2. Thành tựu

*** Về tăng trưởng kinh tế**

Nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng khá cao trong nhiều năm liền. Tỷ lệ tăng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 1991-2000 là 7,5%, thời kỳ 2001-2010 là 7,26%. Tổng sản phẩm trong nước năm 2010 tính theo giá thực tế ước đạt 101,6 tỷ USD, tăng gấp 3,26 lần so với năm 2000. GDP bình quân đầu người từ khoảng 200 USD năm 1990 tăng lên 1.168 USD năm 2010. Đời sống của đại đa số dân cư được cải thiện rõ rệt.

*** Về tiến bộ và công bằng xã hội**

Trong lĩnh vực lao động và việc làm: Từ năm 1991 đến năm 2000, trung bình hàng năm cả nước đã giải quyết việc làm cho khoảng 1,2 – 1,3 triệu người; những năm 2001-2005, mức giải quyết việc làm trung bình hàng năm đạt khoảng 1,4 – 1,5 triệu người; những năm 2006-2010, con số đó lên đến 1,6 triệu người. Nhờ vậy tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đã giảm từ 6,42% năm 2000 xuống khoảng 4,6% năm 2010. Ước tính đến cuối năm 2010 có khoảng 5,8 triệu người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Công tác xóa đói giảm nghèo đạt được kết quả đầy ấn tượng. Theo chuẩn quốc gia, tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 30% năm 1992 xuống khoảng 9,5% năm 2010. Còn theo chuẩn do Ngân hàng thế giới phối hợp với Tổng cục thống kê Việt Nam tính toán, thì tỷ

lệ nghèo chung* đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 29% năm 2002 và còn khoảng 17% năm 2008. Như vậy, Việt Nam đã “hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015”, mà *Mục tiêu Thiên niên kỷ* (MDGs) của Liên Hợp quốc đã đề ra (Cơ quan đại diện Liên Hợp quốc tại Việt Nam, 2002: 1). Mấy năm gần đây, khi tình hình kinh tế nước nhà gặp khó khăn do tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, Chính phủ lại đề ra *Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững tại 61 huyện có tỷ lệ nghèo cao nhất*. Trong hai năm (2009-2010), Nhà nước đã đầu tư 3.103 tỷ đồng hỗ trợ các huyện nói trên xây dựng 52.321 căn nhà cho những hộ nghèo cùng cực, đồng thời hỗ trợ đào tạo nghề cho khoảng 2.400 lao động nghèo đăng ký đi làm việc ở nước ngoài (Huỳnh Ngọc Sơn, 2010: 66).

Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp từ mầm non, tiểu học đến cao đẳng, đại học. Đến năm 2010, tất cả các tỉnh thành đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Từ năm 2006 đến nay, trung bình hàng năm quy mô đào tạo trung học chuyên nghiệp tăng 10%, cao đẳng và đại học tăng 7,4%. Năm 2009, trên 1,3 triệu sinh viên nghèo được Ngân hàng chính sách xã hội cho vay với lãi suất ưu đãi để theo học. Ngoài ra, Nhà nước còn trợ giúp nuôi dạy miễn phí đối với tất cả học sinh các trường dân tộc nội trú; miễn giảm học phí cho 2,5 triệu học sinh, sinh viên nghèo niên học 2010-2011.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Nhiều dịch bệnh hiểm nghèo trước đây đã được thanh toán hoặc khống chế. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng được nâng lên. Tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm từ 81‰ năm 1990 xuống còn khoảng 28‰ năm 2010. Trong cùng thời gian, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đã giảm từ 50% xuống còn khoảng 20%. Tuổi thọ trung bình của người dân từ 63 tuổi năm 1990 tăng lên 73,5 tuổi năm 2007 (UNDP, 2007: 124). Bảo hiểm y tế tăng nhanh từ 13,4% năm 2000 lên khoảng 62% dân số hiện nay. Đặc biệt, đã thực hiện chính sách bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, một số đối tượng chính sách, người nghèo và hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các hộ cận nghèo...

Chính sách ưu đãi xã hội đối với người có công không ngừng được hoàn thiện. Mức độ trợ cấp ưu đãi năm 2009 tăng 2,1 lần so với năm 2006. Năm 2010, ngân sách trung ương đã dành gần 19.000 tỷ đồng để thực hiện chính sách ưu đãi thường xuyên cho hơn 1,4 triệu người có công. Đến nay, hơn 90% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân cư cùng địa bàn (Nguyễn Tấn Dũng, 2010: 5).

Chính sách trợ giúp xã hội, cả thường xuyên và đột xuất được thực hiện rộng hơn về quy mô, đối tượng thụ hưởng với mức trợ giúp ngày càng tăng. Kinh phí trợ giúp thường xuyên từ ngân sách nhà nước và số người được thụ hưởng tăng nhanh, từ 113 tỷ

* Tỷ lệ nghèo chung bao gồm cả nghèo lương thực, thực phẩm và nghèo phi lương thực, thực phẩm.

đồng cho hơn 180.000 người năm 2001 tăng lên 4.500 tỷ đồng cho hơn 1,6 triệu người năm 2010 (Nguyễn Tấn Dũng, 2010: 5).

3. Hạn chế

* Về kinh tế

Đến nay, Việt Nam vẫn còn là một nước có mức thu nhập bình quân đầu người thuộc loại trung bình thấp. Tăng trưởng kinh tế còn chủ yếu dựa vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng như: sử dụng nhiều vốn, công nghệ lạc hậu, lao động tay nghề thấp, phần lớn làm ở các khâu gia công, lắp ráp, khai thác và bán rẻ tài nguyên thô. Vì thế, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Các nguồn lực vật chất dành cho việc bảo đảm an sinh xã hội do đó cũng còn nhiều hạn hẹp.

* Về xã hội

Những năm gần đây tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại, tỷ lệ hộ tái nghèo còn nhiều (7 – 10%). Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Khoảng cách thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất trong tổng số dân cư đã tăng từ 4,43 lần năm 1992-1993 lên 8,4 lần năm 2006 và tiếp tục tăng lên 9,2 lần năm 2010 (Tổng cục Thống kê, 2011: 4).

Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị tuy đã giảm, nhưng vẫn còn cao. Đặc biệt trong nông thôn những năm gần đây, do hàng chục vạn hộ gia đình nông dân bị thu hồi đất cho công nghiệp hóa, đô thị hóa mà phần lớn lại không được hỗ trợ đào tạo nghề mới để kiếm sống, nên nạn thiếu việc làm khá nghiêm trọng.

Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Còn tồn tại một sự chênh lệch khá rõ về điều kiện học tập, cơ sở trường lớp giữa thành thị và nông thôn, miền xuôi và miền núi.

Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân, mạng lưới y tế tuy được mở rộng nhưng phân bố chưa hợp lý, chưa thuận lợi cho dân. Cơ chế, chính sách bảo hiểm y tế, thu viện phí và khám chữa bệnh cho người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn không ít bất cập.

Bên cạnh đó, các tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp.

Những hạn chế yếu kém trên đây trước hết là do việc thể chế hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng thành hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành thường để kéo dài và thực hiện với chất lượng chưa cao; nhận thức về mối quan hệ tác động qua lại giữa bảo đảm an sinh xã hội với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội chưa đầy đủ. Do đó chưa hình thành được hệ thống chính sách bảo đảm an sinh xã hội rộng khắp với những cơ chế chủ động, tích cực, linh hoạt làm chỗ dựa vững chắc cho những người gặp rủi ro tự vươn lên khắc phục khó khăn,

vượt đói thoát nghèo và tiếp tục hòa nhập cộng đồng. Phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” trong công tác bảo đảm an sinh xã hội chưa được thực hiện tốt.

IV. KIẾN NGHỊ VỀ MỘT SỐ HƯỚNG GIẢI PHÁP CHO THỜI GIAN TỚI

Bước sang thời kỳ chiến lược mới, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục coi bảo đảm an sinh xã hội là một nhiệm vụ quan trọng trong tổng thể các nhiệm vụ phát triển kinh tế, phát triển xã hội nói chung. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020* đã xác định: Hoàn thiện hệ thống chính sách, kết hợp chặt chẽ các mục tiêu, chính sách kinh tế với các mục tiêu, chính sách xã hội; nâng cao thu nhập và chất lượng sống của nhân dân; phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 124-125).

Để góp phần biến những nhiệm vụ tổng quát nêu trên thành hiện thực sinh động trong cuộc sống, những năm sắp tới, trước hết là từ nay đến 2015, cần thực hiện một số hướng giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc và vận dụng tốt hơn quan điểm kết hợp hài hòa giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội với bảo đảm an sinh xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Theo quan điểm đó, mỗi chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phải tạo thêm nguồn lực vật chất và nguồn lực con người để mở rộng và hoàn thiện hệ thống bảo đảm an sinh xã hội. Ngược lại, mỗi chính sách mở rộng và hoàn thiện an sinh xã hội phải góp phần giảm thiểu rủi ro, khắc phục rủi ro cho những đối tượng gặp khó khăn, qua đó mà tăng cường đoàn kết, ổn định lòng dân – yếu tố quan trọng để xã hội phát triển theo hướng tiến bộ và công bằng, kinh tế tăng trưởng nhanh, có hiệu quả cao và bền vững.

Hai là, trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an sinh xã hội phải triệt để khắc phục những tàn dư của chế độ phân phối theo kiểu bao cấp, bình quân, cào bằng, như sai lầm của thời kỳ trước đổi mới. Cũng không thể dồn phần lớn của cải làm ra để thực hiện chính sách an sinh xã hội vượt quá khả năng mà các nguồn lực vật chất và nguồn lực con người của đất nước có thể cho phép. Do đó, trong mỗi bước đi, mỗi thời điểm cụ thể của quá trình phát triển, phải tìm ra đúng cái “độ” hợp lý giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội với bảo đảm an sinh xã hội, sao cho những mặt này không cản trở, không triệt tiêu nhau, mà hỗ trợ cho nhau cùng tiến tới.

Ba là, đẩy mạnh các chương trình phát triển kinh tế, phát triển xã hội gắn với mở rộng việc làm. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, một mặt phải hoàn thiện các chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách ưu đãi đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động, nhất là ở địa bàn nông thôn; mặt khác phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp về lao động, việc làm; tạo điều kiện và môi trường an toàn cho người lao động; tăng cường kiểm tra, giám sát và có chế tài đủ mạnh để bảo đảm việc thực hiện đầy đủ

chế độ bảo hiểm xã hội tại tất cả các loại hình doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân.

Bốn là, thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo bền vững. Áp dụng các giải pháp đồng bộ cả về hỗ trợ phát triển sản xuất và đời sống, tạo việc làm, tiếp cận thị trường. Bảo đảm lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án và nguồn lực trên từng địa bàn. Cùng với việc ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước, tiếp tục huy động sự trợ giúp của cộng đồng doanh nghiệp và của toàn xã hội, thực hiện có hiệu quả *Chương trình giảm nghèo bền vững* ở những huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao. Tiếp tục thực hiện các dự án hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, dự án nhà ở cho đồng bào vùng bão lũ, sạt lở núi, ven sông, ven biển. Triển khai *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội, phát triển nông thôn bền vững.

Năm là, tiếp tục mở rộng và ngày càng hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc. Hệ thống đó bao gồm: *chính sách bảo hiểm xã hội* nhằm huy động sự tích góp một phần thu nhập của người lao động lúc bình thường để dành chi tiêu cho những lúc gặp khó khăn (thất nghiệp, tuổi già...); *chính sách bảo hiểm y tế* nhằm thu của tất cả mọi người khi khỏe mạnh dùng để chi trả cho những người đau yếu, bệnh tật thường bao giờ cũng chỉ là thiểu số trong tổng thể dân cư; *chính sách ưu đãi xã hội* nhằm bảo đảm mức sống ít nhất trên trung bình đối với người có công tại cùng địa bàn cư trú; *chính sách trợ cấp xã hội* nhằm trợ giúp những người yếu thế và dễ bị tổn thương như người tàn tật, người già cô đơn, trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ; *chính sách cứu trợ xã hội* nhằm cứu mang những người bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch họa hoặc gặp rủi ro trong cuộc sống; *chính sách tương trợ xã hội* nhằm phát huy truyền thống tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách” trong cộng đồng để giúp nhau vượt qua khó khăn, xóa đói giảm nghèo, cải thiện cuộc sống.

Việc thực hiện tốt hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc là thước đo quan trọng của một xã hội tiến bộ, công bằng, văn minh, đồng thời là nhân tố quan trọng khơi dậy tính tích cực, sự hăng hái của các tầng lớp nhân dân, nhất là các nhóm yếu thế, trong sản xuất kinh doanh để ngày càng cải thiện cuộc sống cho bản thân và góp phần xây dựng đất nước.

Tài liệu trích dẫn

Cơ quan đại diện Liên Hợp quốc tại Việt Nam. 2002. Đưa các mục tiêu Thiên niên kỷ đến với người dân. Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI.NXB

- Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1996. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1987. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. NXB Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1997. Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. NXB Sự thật, Hà Nội.
- Huỳnh Ngọc Sơn. 2010. Một số chương trình mục tiêu quốc gia và dự án xóa đói giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn. *Tạp chí Cộng sản*, số 10, 66.
- Mạc Văn Tiến. 2005. An sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực. NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
- Mai Ngọc Cường. 2009. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Tấn Dũng. 2010. Bảo đảm ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội là một nội dung chủ yếu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020. *Tạp chí Cộng sản*, số 9, 5.
- Phạm Xuân Nam (chủ biên). 1997. Đổi mới chính sách xã hội – luận cứ và giải pháp. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. 2011. Một số kết quả chủ yếu khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010. Hà Nội.
- UNDP. 2007. Báo cáo phát triển con người 2007/2008. Hà Nội.